

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **242/2017/HS-PT**

Ngày: 22 – 8 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Phụng, ông Nguyễn Văn Bằng.

-Thư ký phiên tòa: ông Bê Văn Toàn. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tâm. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 220/2017/HSPT ngày 14/7/2017 đối với bị cáo Lê Ngọc C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 107/HS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị cáo: **LÊ NGỌC C** (Tên gọi khác: C đen), Sinh năm: 1985, tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê Ngọc T, sinh năm: 1955 và con bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1985 và có 01 con sinh năm 2017. Tất cả đều cư trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 2610/QĐ-UB ngày 30/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi cưỡng đoạt tài sản; Bản án số 19/2006/HS-ST ngày 22/02/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, bị cáo bị xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; Quyết định số: 4127/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc đưa vào Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Đắk Lắk với thời gian 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2017. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc C là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 15^h30 ngày 08/3/2017, C sử dụng điện thoại di động gọi cho đối tượng tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua ma túy, B hẹn C đến ngã tư đường Đ giao với đường Q để bán. C điều khiển xe máy hiệu Honda Wave mang biển kiểm soát 47B1- 636. 24 đến gặp B. Tại đây, C đưa cho B 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), B bán cho C một gói nylon chứa ma túy đá. Mua ma túy xong, C cất vào trong túi xách bằng da màu nâu để ở gác ba ga xe và đi về nhà. Khi C đi đến ngã tư đường H giao với đường V, phường T, thành phố B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Tạm giữ của C 01 (một) gói ma túy đá vừa mua của B và một gói ma túy đá khác được C cất giấu ở trong dây quai đeo của chiếc đồng hồ mà C đeo ở bên tay trái. C khai số ma túy này là của một người tên H cho C vào tối ngày 07/3/2017 ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản kết luận giám định số 137/GĐMT - PC54 ngày 14/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể đựng trong 02 (Hai) gói nylon trong suốt được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Methamphetamin, tổng khối lượng 2,2482 gam.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị Quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và Nghị Quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc C 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 08/3/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2017, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, và cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Lê Ngọc C tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên toà sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/3/2017, trên đường mua ma túy về sử dụng, Lê Ngọc C đã bị cơ quan Công an phát hiện và bắt quả tang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 2,2482gam ma túy loại Methamphetamin. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tương ứng tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Tàng trữ Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”*, khung hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, nên cấp sơ thẩm áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo tàng trữ 2,2482gam Methamphetamin, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố là người có công với cách mạng. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Nghị Quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và Nghị Quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội đang có hiệu lực thi hành, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các Nghị quyết nêu trên là đúng quy định. Đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Nghị Quyết số 144/2016/QH13 và Nghị Quyết số 109/2015/QH13 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, do đó cần sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt và căn cứ pháp luật áp dụng.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc C. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về căn cứ pháp luật áp dụng và hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 29/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Ngọc C** (C đen) 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/3/2017.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS Tp. B;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an Tp. B;
- Bị cáo;
- Dương sự;
-
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường